

Deloitte.

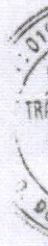
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Cường	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015)
Ông Nguyễn Đình Phước	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015)
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Vương Duy Tú	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015)
Ông Nông Ngọc Phương	Ủy viên
Ông Phan Ngọc Anh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015)
Ông Lê Tuấn Nguyên	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Phước	Giám đốc
Ông Vương Duy Tú	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG
Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, Đường 30/4, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đình Phước
Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2015

Số: 162 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 8 năm 2015, từ trang 04 đến trang 25. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 252.238.895.516 VND và số lỗ lũy kế của Công ty là 372.834.165.523 VND vượt quá vốn điều lệ và các quỹ với số tiền 219.607.451.558 VND. Đồng thời, các thỏa thuận tài chính của Công ty đã hết hạn và Công ty chưa thực hiện thanh toán các khoản nợ đến hạn theo kế hoạch. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục thực hiện kế hoạch của năm, bao gồm việc tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình dở dang và tái đàm phán nhằm đạt được các thỏa thuận tài chính thay thế. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc sử dụng giả định hoạt động liên tục trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, bao gồm các thỏa thuận tài chính được gia hạn cũng như các bằng chứng liên quan đến kế hoạch mà Ban Giám đốc đã lập.

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về báo cáo tài chính đính kèm.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 31 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Tùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1941-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		145.856.467.855	158.561.156.838
I. Tiền	110	5	1.789.291.902	4.884.151.446
1. Tiền	111		1.789.291.902	4.884.151.446
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.857.150.463	119.963.820.161
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	61.769.634.697	67.012.492.305
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.419.632.198	19.334.795.487
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	7	19.741.954.541	19.741.954.541
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		22.693.464.152	26.174.404.315
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(15.091.718.553)	(14.624.009.915)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.324.183.428	2.324.183.428
III. Hàng tồn kho	140	8	32.990.288.422	33.229.556.039
1. Hàng tồn kho	141		67.936.726.494	68.244.354.623
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.946.438.072)	(35.014.798.584)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		219.737.068	483.629.192
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		49.500.000	313.392.124
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		170.237.068	170.237.068
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		32.631.443.958	35.577.271.908
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.348.008	5.348.008
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.348.008	5.348.008
II. Tài sản cố định	220		19.354.166.827	21.963.032.546
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	19.348.316.827	21.952.923.115
- Nguyên giá	222		78.474.726.045	79.518.164.276
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.126.409.218)	(57.565.241.161)
2. Tài sản cố định vô hình	227		5.850.000	10.109.431
- Nguyên giá	228		68.333.334	68.333.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(62.483.334)	(58.223.903)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		229.949.191	229.949.191
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		229.949.191	229.949.191
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.300.000.000	11.300.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10	11.300.000.000	11.300.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.741.979.932	2.078.942.163
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.741.979.932	2.078.942.163
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		178.487.911.813	194.138.428.746

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		398.095.363.371	396.578.529.979
I. Nợ ngắn hạn	310		398.095.363.371	396.578.529.979
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	142.472.271.331	144.927.408.511
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	45.914.443.566	45.565.350.234
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	3.490.421.879	8.836.324.236
4. Phải trả người lao động	314		290.934.473	243.278.928
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	100.832.469.869	88.679.523.138
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		7.891.367.270	8.130.469.290
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	97.516.436.728	100.508.157.387
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(312.981.745)	(311.981.745)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(219.607.451.558)	(202.440.101.233)
(400 = 410)				
I. Vốn chủ sở hữu	410		(219.607.451.558)	(202.440.101.233)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	3.226.713.965	3.226.713.965
3. Lỗ lũy kế	421	17	(372.834.165.523)	(355.666.815.198)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(355.666.815.198)	(265.743.681.041)
- Lỗ kỳ này/lỗ năm trước	421b		(17.167.350.325)	(89.923.134.157)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		178.487.911.813	194.138.428.746



Lê Tuấn Nguyên
 Kế toán trưởng/Người lập biểu

Ngày 31 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Đình Phước
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	3.012.845.174	5.421.666.524
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	2.859.344.862	19.733.588.172
3. Lợi nhuận gộp/ (Lỗ gộp) về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		153.500.312	(14.311.921.648)
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.430.788	10.174.599
5. Chi phí tài chính	22		11.718.984.827	12.156.422.404
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.718.984.827	11.684.442.773
6. Chi phí bán hàng	25		-	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.820.053.822	6.471.033.975
8. Lỗ từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(15.381.107.549)	(32.929.203.428)
9. Thu nhập khác	31	22	841.111.025	7.518.195.533
10. Chi phí khác	32	22	2.627.353.801	8.660.554.846
11. Lỗ khác (40=31-32)	40		(1.786.242.776)	(1.142.359.313)
12. Tổng lỗ trước thuế (50=30+40)	50		(17.167.350.325)	(34.071.562.741)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
14. Lỗ sau thuế TNDN (60=50-51)	60		(17.167.350.325)	(34.071.562.741)



Lê Tuấn Nguyễn
 Kế toán trưởng/Người lập biểu

Ngày 31 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Đình Phước
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 03a-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
		đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lỗ trước thuế</i>	01	(17.167.350.325)	(34.071.562.741)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.751.093.927	3.849.989.991
- Các khoản dự phòng	03	399.348.126	12.907.035.873
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(272.191.844)	(398.779.704)
- Chi phí lãi vay	06	11.718.984.827	11.684.442.773
3. <i>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(2.570.115.289)	(6.028.873.808)
- Giảm các khoản phải thu	09	8.645.425.672	9.939.566.930
- Giảm hàng tồn kho	10	307.628.129	3.534.017.261
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	(7.209.430.776)	(11.571.490.911)
- Giảm chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	600.854.355	1.856.770.512
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(20.296.399)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(226.637.909)	(2.290.306.415)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(151.490.909)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	274.989.933	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	123.499.024	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.991.720.659)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(2.991.720.659)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	(3.094.859.544)	(2.290.306.415)
Tiền đầu kỳ	60	4.884.151.446	5.979.985.370
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	1.789.291.902	3.689.678.955



Lê Tuấn Nguyên
 Kế toán trưởng/Người lập biểu

Ngày 31 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Đình Phước
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLTK ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4300368987 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2009, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 9 ngày 29 tháng 5 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 63 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 65 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng, công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; xây dựng các công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; xây dựng các công trình đê kè, cầu cảng;
- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; chế tạo lắp đặt bồn chứa xăng, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt hệ thống đường dây tải điện đến 35 KV và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp; đầu tư kinh doanh bất động sản.

So sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 252.238.895.516 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 238.017.373.141 VND) và số lỗ lũy kế của Công ty là 372.834.165.523 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 355.666.815.198 VND). Trong kỳ, Công ty gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi, thỏa thuận gia hạn các khoản vay với các tổ chức tín dụng và kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Ban Giám đốc Công ty đã có kế hoạch tài chính cụ thể để duy trì hoạt động của Công ty. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định lập báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, Đường 30/4, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>
	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7
Tài sản khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản lỗ kế toán lũy kế là 372.576 tỷ VND, khoản lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh. Việc sử dụng các khoản lỗ này phụ thuộc vào lợi nhuận trong tương lai của Công ty. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ thuần tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.612.637.035	253.518.787
Tiền gửi ngân hàng	176.654.867	4.630.632.659
	<u>1.789.291.902</u>	<u>4.884.151.446</u>

Đến ngày lập báo cáo này, một số tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty với tổng số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 87.928.731 VND đã bị phong tỏa theo Quyết định số 3340/QĐ-CT ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Cục thuế Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Các khoản phải thu khách hàng khác	5.551.164.197	8.726.652.461
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi - PTSC	19.277.320.569	19.668.210.386
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	16.950.703.452	18.306.778.901
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	6.140.062.028	6.140.062.028
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	4.480.897.900	4.680.897.900
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	3.769.347.806	3.769.347.806
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang	3.592.379.131	3.592.379.131
Công ty CP Xây lắp Đường ống Dể chứa Dầu khí	1.099.912.213	1.219.986.291
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	500.000.000	500.000.000
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	367.257.401	367.257.401
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	40.590.000	40.920.000
	<u>61.769.634.697</u>	<u>67.012.492.305</u>

7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công trình Nhà máy đóng tàu Vinashin	19.741.954.541	19.741.954.541
	<u>19.741.954.541</u>	<u>19.741.954.541</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.967.485.478	-	2.162.911.200	-
Công cụ, dụng cụ	741.591.344	-	741.591.344	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	63.440.403.548	(34.526.877.805)	63.365.490.548	(34.526.877.805)
Thành phẩm	1.787.246.124	(419.560.267)	1.974.361.531	(487.920.779)
Cộng	<u>67.936.726.494</u>	<u>(34.946.438.072)</u>	<u>68.244.354.623</u>	<u>(35.014.798.584)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2015	19.257.925.052	34.722.100.594	18.754.193.710	830.202.195	5.953.742.725	79.518.164.276
Mua sắm mới	151.490.909	-	-	-	-	151.490.909
Thanh lý	-	-	(1.141.292.776)	-	(53.636.364)	(1.194.929.140)
Tại ngày 30/6/2015	19.409.415.961	34.722.100.594	17.612.900.934	830.202.195	5.900.106.361	78.474.726.045
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2015	7.190.308.368	28.288.650.879	16.265.370.236	830.202.195	4.990.709.483	57.565.241.161
Khấu hao trong năm	347.171.937	1.324.008.634	939.364.961	-	136.288.964	2.746.834.496
Thanh lý	-	-	(1.132.030.075)	-	(53.636.364)	(1.185.666.439)
Tại ngày 30/6/2015	7.537.480.305	29.612.659.513	16.072.705.122	830.202.195	5.073.362.083	59.126.409.218
Giá trị còn lại						
Tại ngày 30/6/2015	11.871.935.656	5.109.441.081	1.540.195.812	-	826.744.278	19.348.316.827
Tại ngày 31/12/2014	12.067.616.684	6.433.449.715	2.488.823.474	-	963.033.242	21.952.923.115

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 25.242.614.946 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 24.712.680.168 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để đảm bảo cho khoản vay là 579.183.674 VND (31 tháng 12 năm 2014 là 860.794.294 VND).

10. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Công ty đã góp vốn bằng tiền là 11,3 tỷ VND ngày 19 tháng 8 năm 2010, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 3,77% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Việt Chèo	16.901.904.246	16.901.904.246
Công ty TNHH Minh Hằng	34.101.174.930	34.101.174.930
Phải trả cho các đối tượng khác	48.015.356.774	50.311.256.163
b. Phải trả người bán là các bên liên quan		
Ban điều hành dự án NM điện Vũng Áng - TCTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	33.339.897.671	33.339.897.671
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	2.153.347.000	2.153.347.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng	4.432.009.456	4.421.608.025
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam	3.528.581.254	3.698.220.476
	142.472.271.331	144.927.408.511

10011
CÔN
CH NHI
DELI
VIỆT
ĐÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Bao gồm chủ yếu khoản nhận ứng trước từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam liên quan tới dự án “Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát” tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng với số tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 28.268.366.989 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 28.268.366.989 VND).

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	2.513.368.675	8.263.116.737
Thuế thu nhập cá nhân	839.652.454	573.207.499
Thuế khác	137.400.750	-
	<u>3.490.421.879</u>	<u>8.836.324.236</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay trích trước	66.841.505.242	55.122.520.415
Chi phí khác	33.990.964.627	33.557.002.723
	<u>100.832.469.869</u>	<u>88.679.523.138</u>

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	93.389.850.251	96.381.570.910
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	48.563.059.336	48.563.059.336
Ngân hàng TMCP Quân đội	16.382.385.620	19.374.106.279
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	13.244.216.949	13.244.216.949
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	15.200.188.346	15.200.188.346
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	4.126.586.477	4.126.586.477
	<u>97.516.436.728</u>	<u>100.508.157.387</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ tổ chức tín dụng và các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày giải ngân. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam, được dùng để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay chịu lãi suất từ 13%/năm đến 23%/năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản vay này đã quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, Đường 30/4, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	4.126.586.477	4.126.586.477
<i>Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</i>	4.126.586.477	4.126.586.477
	<u>4.126.586.477</u>	<u>4.126.586.477</u>

Các khoản vay dài hạn cho mục đích mua sắm máy móc, thiết bị với lãi suất 16% từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) theo Hợp đồng tín dụng số 12/TDH/2009 ngày 29 tháng 12 năm 2009. Theo đó, hạn mức vay là 12,4 tỷ VND, mục đích để thực hiện đầu tư máy móc thiết bị, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất theo từng lần giải ngân. Giá trị tài sản thế chấp là 2.699.000.000 VND theo Biên bản định giá số 681/BB-TCĐK-CNDN ký ngày 26 tháng 6 năm 2012 giữa Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Công ty. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá trị còn lại của các tài sản này là 579.183.674 VND.

Khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.126.586.477	4.126.586.477
Trong năm thứ hai	-	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	-
Sau năm năm	-	-
	<u>4.126.586.477</u>	<u>4.126.586.477</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	4.126.586.477	4.126.586.477
Số phải trả sau 12 tháng	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗi lũy kế VND
Tại ngày 01/01/2014	150.000.000.000	1.037.168.132	2.189.545.833	(265.743.681.041)
Lỗi trong năm	-	-	-	(89.923.134.157)
Phân loại lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	-	2.189.545.833	(2.189.545.833)	-
Tại ngày 01/01/2015	150.000.000.000	3.226.713.965	-	(355.666.815.198)
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(17.167.350.325)
Tại ngày 30/6/2015	150.000.000.000	3.226.713.965	-	(372.834.165.523)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (1000 cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Giá trị cổ phần (VND)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.350	49	73.500.000.000
2	Các cổ đông khác	7.650	51	76.500.000.000
	Cộng	15.000	100	150.000.000.000

Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 15.000.000 cổ phiếu. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp. Trong kỳ, Công ty không có hoạt động sản xuất, kinh doanh trọng yếu nào khác; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đều liên quan đến hoạt động xây lắp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, Đường 30/4, Quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	-	2.999.252.626
Doanh thu bán hàng hóa và doanh thu khác	3.012.845.174	2.422.413.898
	3.012.845.174	5.421.666.524

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	-	16.585.357.212
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	2.859.344.862	3.148.230.960
	2.859.344.862	19.733.588.172

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	15.888.682
Chi phí nhân công	1.004.956.772	791.171.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.063.727.689	2.390.664.668
Chi phí thuê ngoài và chi phí khác	4.566.872.328	6.242.986.695
	6.635.556.789	9.440.711.284

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản, vật tư	496.074.000	6.847.677.210
Khác	345.037.025	670.518.323
	841.111.025	7.518.195.533
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định, vật tư, và các chi phí liên quan	204.688.423	5.882.903.335
Khác	2.422.665.378	2.777.651.511
	2.627.353.801	8.660.554.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2012, khi công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng đang trong quá trình triển khai thi công thì bất ngờ gặp sự cố. Chủ đầu tư dự án là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc, nhà thầu chính là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), đơn vị thi công phần cọc là Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu Khí (PVC - ME) và đơn vị thi công phần thân và mặt cầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC - MT). Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình này đang phản ánh trên khoản mục hàng tồn kho thuộc bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với số tiền là 15.379.218.000 VND. Theo Công văn số 0045/KMB-DADT ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (chủ đầu tư), nguyên nhân sự cố được xác định là do khách quan. Đến thời điểm lập báo cáo này, chưa có quyết định chính thức về phân trách nhiệm của các bên liên quan đến sự cố này.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 16, trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	142.472.271.331	144.927.408.511
Trừ: Tiền	1.789.291.902	4.884.151.446
Nợ thuần	140.682.979.429	140.043.257.065
Vốn chủ sở hữu	(219.607.451.558)	(202.440.101.233)
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, Đường 30/4, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	1.789.291.902	4.884.151.446
Các khoản phải thu	77.400.993.664	86.888.211.974
Đầu tư tài chính dài hạn	11.300.000.000	11.300.000.000
Tổng cộng	90.490.285.566	103.072.363.420
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	97.516.436.728	100.508.157.387
Phải trả người bán và phải trả khác	150.363.638.601	153.057.877.801
Chi phí phải trả	100.832.469.869	88.679.523.138
Tổng cộng	348.712.545.198	342.245.558.326

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lỗ trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2015 sẽ tăng/giảm khoảng 1.950 triệu VND (kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2014: 1.042 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 về các khoản dự phòng phải thu khó đòi, Công ty có khoản rủi ro tín dụng đến từ một số khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
30/6/2015			
Tiền	1.789.291.902	-	1.789.291.902
Các khoản phải thu	77.400.993.664	-	77.400.993.664
Đầu tư tài chính dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000
Tổng cộng	79.190.285.566	11.300.000.000	90.490.285.566
30/6/2015			
Các khoản vay	97.516.436.728	-	97.516.436.728
Phải trả người bán và phải trả khác	150.363.638.601	-	150.363.638.601
Chi phí phải trả	100.832.469.869	-	100.832.469.869
Tổng cộng	348.712.545.198	-	348.712.545.198
Chênh lệch thanh khoản thuần	(269.522.259.632)	11.300.000.000	(258.222.259.632)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, Đường 30/4, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2014			
Tiền	4.884.151.446	-	4.884.151.446
Các khoản phải thu	86.888.211.974	-	86.888.211.974
Đầu tư tài chính dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000
Tổng cộng	91.772.363.420	11.300.000.000	103.072.363.420
31/12/2014			
Các khoản vay	100.508.157.387	-	100.508.157.387
Phải trả người bán và phải trả khác	153.057.877.801	-	153.057.877.801
Chi phí phải trả	88.679.523.138	-	88.679.523.138
Tổng cộng	342.245.558.326	-	342.245.558.326
Chênh lệch thanh khoản thuần	(250.473.194.906)	11.300.000.000	(239.173.194.906)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính. Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản và gặp một số khó khăn trong việc quản lý dòng tiền trong năm tới. Ban Giám đốc đã có kế hoạch tài chính cụ thể trong tương lai và đang trong quá trình đàm phán với các tổ chức tín dụng để gia hạn thanh toán cho các khoản nợ đã quá hạn. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả của việc đàm phán cũng như hỗ trợ từ Công ty mẹ và khả năng tạo ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong tương lai.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Danh sách các bên liên quan:***Bên liên quan**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
 Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí
 Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí
 Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An
 Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn
 Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
 Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO)
 Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất
 Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung
 Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất
 Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCPC
 Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng -
 Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
 Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi
 Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - CN Đà Nẵng
 Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi - PTSC
 Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam
 Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang

Mối quan hệ

Công ty mẹ của Cổ đông lớn
 Cổ đông lớn
 Cùng chủ sở hữu
 Cùng chủ sở hữu
 Công ty liên kết của Chủ sở hữu
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn
 Trong cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, Đường 30/4, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09a-DN**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:*

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	45.000.000	5.733.152.000
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	65.519.600	-
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	111.600.000	-
Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng	463.790.603	453.607.879
Lãi vay		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng	4.866.608.148	5.309.368.481
Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ:		
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Lương	133.444.514	423.463.062
Số dư chủ yếu với các bên liên quan:		
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu khách hàng các bên liên quan (Thuyết minh số 6)	56.218.470.500	58.285.839.844
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.298.810.103	11.756.202.046
Ban điều hành dự án NM điện Vũng áng - TCTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.023.906.945	1.023.906.945
Phải trả người bán ngắn hạn		
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 11)	43.453.835.381	43.613.073.172
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.180.000.000	6.180.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng -	28.268.366.989	28.268.366.989
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	10.078.892.064	10.128.392.064
Các khoản vay và lãi vay trích trước phải trả		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng		
- Vay ngắn hạn	48.563.059.336	48.563.059.336
- Nợ dài hạn đến hạn trả	4.126.586.477	4.126.586.477
- Lãi vay trích trước phải trả	32.991.814.334	28.125.206.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này như sau:

	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân loại lại</u>
	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Các khoản phải thu khác	14.757.775.043	11.416.629.272	26.174.404.315
Tài sản ngắn hạn khác	13.746.160.708	(13.746.160.708)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	2.324.183.428	2.324.183.428
Phải thu dài hạn khác	-	5.348.008	5.348.008
Quỹ đầu tư phát triển	1.037.168.132	2.189.545.833	3.226.713.965
Quỹ dự phòng tài chính	2.189.545.833	(2.189.545.833)	-



Lê Tuấn Nguyễn
Kế toán trưởng/Người lập biểu

Ngày 31 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Đình Phước
Giám đốc